

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2019

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đại

2. Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa .

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 504/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Lê Trần Thu T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 03F/01, ấp M, xã Đ huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1994 (Có đơn vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú : Số 130A/9, ấp N, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2018 Nguyên đơn chị Lê Trần Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H quen biết và chung sống với nhau vào năm 2016, đến năm 2017 thì hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/4/2018. Sau khi

kết hôn chị T về chung sống bên gia đình anh H tại ấp B, xã H một thời gian, vợ chồng về sinh sống tại nhà cô ruột anh H ở ấp N, xã P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện cự cãi, vợ chồng bất đồng ý kiến làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T và anh H đã không còn sống chung từ tháng 9/2018 cho đến nay, chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay chị Lê Trần Thu T nhận thấy không còn tình cảm với anh Nguyễn Trung H nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Ngày 26/12/2018 anh Nguyễn Trung H có đơn xin vắng mặt nội dung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và T tiến đến hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang vào năm 2018. Đến tháng 11/2018 vợ chồng mâu thuẫn bất đồng ý kiến thường hay cự cãi nên không thể chung sống với nhau được nữa, T đã về nhà cha mẹ ruột ở xã Thanh Đức sinh sống. Nay tôi đồng ý ly hôn với Lê Trần Thu T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tôi đã nhận được hồ sơ khởi kiện photo do T gửi. Tôi xin vắng mặt trong phiên hòa giải và xét xử do tôi bận công việc nên không đến Tòa án giải quyết vụ án. Tôi cam đoan sẽ không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Lê Trần Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung H, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh H thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện cự cãi với chị T, nên chị về nhà cha mẹ ruột từ tháng 9/2018 cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: không có. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Trung H có xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Trung H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Nguyễn Trung H.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Trần Thu T và anh Nguyễn Trung H kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng

nhận kết hôn ngày 16/4/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn chị T cho rằng vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh H thường xuyên đi nhậu về cự cãi với chị, nên chị về nhà cha mẹ ruột sống. Anh H có đơn xin vắng mặt trình bày vợ chồng mâu thuẫn bất đồng ý kiến thường hay cự cãi, nên không thể chung sống với nhau, chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vì vậy đồng ý ly hôn với chị T. Xét vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không còn sống chung, cả hai đều đồng ý ly hôn. Do anh H không tham dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Vì vậy Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh H được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, anh H có đơn xin vắng trình bày không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Trần Thu T

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Trần Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

2/ Về nuôi con chung: không có không yêu cầu giải quyết

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Buộc chị Lê Trần Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001965 ngày 06/12/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Điệp

